

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG
VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM FECON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	MS	TM	31/03/2012	01/01/2012
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		372,437,040,096	380,723,489,153
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		114,288,780,971	67,976,671,966
1. Tiền	111	5.1	34,762,803,855	43,130,944,850
2. Các khoản tương đương tiền	112	5.1	79,525,977,116	24,845,727,116
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		166,354,872,388	176,118,424,184
1. Phải thu khách hàng	131		156,687,890,332	118,066,888,739
2. Trả trước cho người bán	132		6,121,936,833	54,546,490,222
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	7,504,490,000	7,464,490,000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3,959,444,777)	(3,959,444,777)
IV- Hàng tồn kho	140		76,729,370,845	124,282,150,375
1. Hàng tồn kho	141	5.4	76,729,370,845	124,282,150,375
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		15,064,015,892	12,346,242,628
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		929,272,745	1,365,920,427
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,049,779,587	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	25,269,535	25,269,535
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	12,059,694,025	10,955,052,666
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		334,450,010,066	253,536,280,808
I Các khoản phải thu dài hạn	210		813,556,680	813,556,680
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		813,556,680	813,556,680
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II Tài sản cố định	220		178,725,507,834	141,564,204,197
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	78,746,537,625	78,135,737,202
- Nguyên giá	222		120,901,195,756	123,757,884,396
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42,154,658,131)	(45,622,147,194)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	34,212,933,130	35,594,078,902
- Nguyên giá	225		38,672,081,375	38,672,081,375
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4,459,148,245)	(3,078,002,473)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	27,621,198,217	27,834,388,093
- Nguyên giá	228		29,447,077,730	29,459,077,730
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,825,879,513)	(1,624,689,637)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	38,144,838,862	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-

CÔNG TY CP KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		153,737,612,208	109,597,602,208
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.11	146,737,612,208	102,597,602,208
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.11	-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.11	7,000,000,000	7,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V- Tài sản dài hạn khác	260		1,173,333,344	1,560,917,723
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,173,333,344	1,560,917,723
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		706,887,050,162	634,259,769,961
NGUỒN VỐN			31/03/2012	01/01/2012
	MS	TM	VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		411,354,242,403	379,071,235,348
I- Nợ ngắn hạn	310		373,314,341,592	337,141,977,302
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	72,820,942,479	97,523,088,345
2. Phải trả người bán	312		235,053,045,836	198,834,757,908
3. Người mua trả tiền trước	313		18,762,117,095	12,153,589,434
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	27,089,022,421	13,039,859,189
5. Phải trả người lao động	315		761,083,271	5,860,258,916
6. Chi phí phải trả	316		-	654,995,455
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	5,122,775,853	3,313,602,902
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		13,705,354,637	5,761,825,153
II- Nợ dài hạn	330		38,039,900,811	41,929,258,046
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	38,039,900,811	41,929,258,046
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		295,532,807,759	255,188,534,613
I- Vốn chủ sở hữu	410		295,532,807,759	255,188,534,613
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.18	138,051,620,000	128,400,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.18	35,604,060,321	25,002,820,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	5.18	-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	5.18	-	-
5. Chênh lệch đánh giá tài sản	415	5.18	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	5.18	(112,457,596)	(672,819,898)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.18	17,479,821,137	8,812,291,653
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.18	8,739,910,569	4,406,145,827
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	5.18	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.18	95,769,853,328	89,240,097,031
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+430+400)	440		706,887,050,162	634,259,769,961

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	31/03/2012	01/01/2012
		VND	VND
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	
5. Ngoại tệ các loại		257,094	102,019
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2012

Người lập biểu



Vũ Viết Thành

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Vân



Phạm Việt Khoa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

Chỉ tiêu	Mã số	TM	31/03/2012	01/01/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	275,658,410,978	907,456,492,012
2. Các khoản giảm trừ	3			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		275,658,410,978	907,456,492,012
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	239,198,184,977	754,657,777,183
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		36,460,226,001	152,798,714,829
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	9,601,734,473	4,701,969,969
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	4,255,663,865	17,927,084,355
Trong đó : Chi phí lãi vay			4,124,797,833	13,283,775,474
8. Chi phí bán hàng	24		717,415,228	4,438,803,183
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,785,360,280	37,790,200,668
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		35,303,521,101	97,344,596,592
11. Thu nhập khác	31		5,785,128,300	1,347,396,751
12. Chi phí khác	32		4,090,833,832	1,260,853,679
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1,694,294,468	86,543,072
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30-40)	50		36,997,815,569	97,431,139,664
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	7,196,462,267	18,450,694,873
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		29,801,353,302	78,980,444,791
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		2,265	6,810

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Vũ Viết Thành

Nguyễn Thị Thanh Vân



Phạm Việt Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM FECON

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 9 ngày 04 tháng 11 năm 2011.

Địa chỉ đăng ký: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2, Khu đô thị Mỹ Đình 2, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân: 431 người

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi;
- Thi công hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị;
- Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn (PDA);
- Thí nghiệm kiểm tra nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng và các cấu kiện bê tông cốt thép bằng phương pháp siêu âm (SONIC) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT);
- Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn công trình;
- Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán trên Báo cáo tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 31/03/2012.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM FECON

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền hoặc tương đương tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài sản và công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ được phản vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi ngược lại vào năm sau.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các tài sản dưới dạng ngoại tệ và công nợ ngắn hạn bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 31/12 hàng năm. Năm 2010, 2011 Công ty xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM FECON

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao

(Năm)

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình Quyền sử dụng đất thuê bao gồm: Giá trị quyền sử dụng văn phòng Tháp C.E.O, lô HH2-1, Đô thị mới Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, trong 48 năm của Công ty và phần mềm máy tính. Giá trị Quyền sử dụng được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 48 năm. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản chi phí công cụ dụng cụ, chi phí quảng cáo.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm. Chi phí quảng cáo Công ty phân bổ theo tiêu thức 2 đến 3 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của Hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM FECON

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CĐKT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

	31/03/2012	01/01/2012
1 . Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	21,362,171,360	254,796,857
Tiền gửi ngân hàng (VND)	13,400,632,495	42,876,147,993
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn)	79,525,977,116	24,845,727,116
Cộng	114,288,780,971	67,976,671,966
3 . Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
	31/03/2012	01/01/2012
Công ty TNHH Hoàng Tùng vay	900,000,000	900,000,000
Công ty CP Bê tông FECON vay	6,000,000,000	6,000,000,000
Ký cược cho công trình toà nhà Vsip Hải Phòng	40,000,000	40,000,000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	564,490,000	524,490,000
Cộng	7,504,490,000	7,464,490,000
4 . Hàng tồn kho		
	31/03/2012	01/01/2012
Nguyên liệu, vật liệu	565,230,000	2,087,220,000
Công cụ, dụng cụ	-	14,825,000
Hàng hóa	-	1,225,840,439
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	76,164,140,845	120,954,264,936
Cộng	76,729,370,845	124,282,150,375
5 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
	31/03/2012	01/01/2012
Thuế nhập khẩu nộp thừa	25,269,535	25,269,535
Cộng	25,269,535	25,269,535
6 . Tài sản ngắn hạn khác		
	31/03/2012	01/01/2012
Tạm ứng chi phí cho các công trình	11,464,900,691	10,533,374,332
Ký cược ngắn hạn	594,793,334	421,678,334
Cộng	12,059,694,025	10,955,052,666

7 . Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	2,636,995,426	105,414,512,032	12,147,572,820	3,558,804,118	123,757,884,396
- Mua trong kỳ		11,236,215,455	388,700,001	73,380,364	11,698,295,820
- Góp vốn vào Viện nền móng		(10,874,164,156)	(673,880,857)		(11,548,045,013)
- Giảm khác (điều chỉnh sang dụng cụ)		(2,585,039,164)			(2,585,039,164)
- Ghi giảm tài sản của VNM		(421,900,283)			
Tại ngày 31/03/2012	2,636,995,426	102,769,623,884	11,862,391,964	3,632,184,482	120,901,195,756
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	87,899,878	40,046,476,120	3,850,614,658	1,637,156,538	45,622,147,194
- Khấu hao trong kỳ	65,924,886	3,669,591,931	399,093,639	418,643,189	4,553,253,645
- Tăng khác					-
- Chuyển sang Cty CP					-
- Thanh lý					-
- Giảm khác	-	(7,804,138,125)	(216,604,583)		(8,020,742,708)
Tại ngày 31/03/2012	153,824,764	35,911,929,926	4,033,103,714	2,055,799,727	42,154,658,131
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	2,549,095,548	69,502,582,106	8,296,958,162	1,921,647,580	78,135,737,202
Tại ngày 31/03/2012	2,483,170,662	66,857,693,958	7,829,288,250	1,576,384,755	78,746,537,625

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM FECON

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

8 . Tài sản cố định thuê tài chính

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	-	38,672,081,375	-	-	38,672,081,375
- Tăng trong năm		-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2012	-	38,672,081,375	-	-	38,672,081,375
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	-	3,078,002,473	-	-	3,078,002,473
- Khấu hao trong kỳ	-	1,381,145,772	-	-	1,381,145,772
Tại ngày 31/03/2012	-	4,459,148,245	-	-	4,459,148,245
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	-	35,594,078,902	-	-	35,594,078,902
Tại ngày 31/03/2012	-	34,212,933,130	-	-	34,212,933,130

9 . Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	28,969,390,983	-	241,298,990	248,387,757	29,459,077,730
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm trong năm (Phần tài sản của Viện nền móng cộng vào năm 2011)		-	(12,000,000)	-	(12,000,000)
Tại ngày 31/03/2012	28,969,390,983	-	229,298,990	248,387,757	29,447,077,730
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	1,455,269,513	-	69,469,612	99,950,512	1,624,689,637
- Khấu hao trong kỳ	169,286,955	-	20,233,533	11,669,388	201,189,876
Tại ngày 31/03/2012	1,624,556,468	-	89,703,145	111,619,900	1,825,879,513
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	27,514,121,470	-	171,829,378	148,437,245	27,834,388,093
Tại ngày 31/03/2012	27,344,834,515	-	139,595,845	136,767,857	27,621,198,217

10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đầu tư mua sàn Mipec- Tây Sơn
Cộng

	31/03/2012	01/01/2012
	38,144,838,862	-
	38,144,838,862	-

11 . Đầu tư vào công ty con

. Công ty CP bê tông FECON (tên cũ: Công ty CP bê tông dự ứng
lực PVC - FECON)
. Công ty TNHH đầu tư FECON
. Công ty TNHH xử lý nền đất yếu FECON-SHANGHAI
HARBOUR
. Công ty CP FECON - Miltec
. Viện nền móng công trình (hạch toán độc lập từ 01/01/2012)
Cộng

	31/03/2012	01/01/2012
	82,500,000,000	82,500,000,000
	13,968,884,000	8,968,884,000
	18,000,000,000	8,000,000,000
	6,268,728,208	3,128,718,208
	26,000,000,000	-
	146,737,612,208	102,597,602,208

11 . Đầu tư dài hạn khác

. Công ty CP thi công cơ giới và lắp máy dầu khí
Cộng

	31/03/2012	01/01/2012
	7,000,000,000	7,000,000,000
	7,000,000,000	7,000,000,000

12 . Vay và nợ ngắn hạn

Vay ngắn hạn

. Ngân hàng BIDV Đông Đô
. Ngân hàng VCB - CN Hoàn Kiếm
. Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm
Cộng

	31/03/2012	01/01/2012
	72,820,942,479	97,523,088,345
	22,201,867,557	36,308,634,878
	50,619,074,922	58,023,485,467
		3,190,968,000
	72,820,942,479	97,523,088,345

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

	31/03/2012	01/01/2012
13 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế giá trị gia tăng	7,666,431,276	972,200,690
Thuế xuất, nhập khẩu	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19,259,158,066	12,062,695,799
Thuế thu nhập cá nhân	163,433,079	4,962,700
Cộng	27,089,022,421	13,039,859,189
15 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/03/2012	01/01/2012
. Kinh phí công đoàn		
. Bảo hiểm thất nghiệp	13,678,660	
. Bảo hiểm xã hội	164,143,040	1,563,419
. Bảo hiểm y tế	33,261,030	
. Vay ngắn hạn của Công ty TNHH đầu tư FECON	4,900,000,000	
. Các khoản phải trả khác	11,693,123	3,312,039,483
Cộng	5,122,775,853	3,313,602,902
17 . Vay và nợ dài hạn	31/03/2012	01/01/2012
Vay dài hạn	38,039,900,811	41,929,258,046
Vay dài hạn Ngân hàng VCB chi nhánh Hoàn Kiếm	21,414,042,240	24,067,207,240
Nợ dài hạn		
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Chailease	3,613,586,750	3,829,521,294
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - NH VCB	13,012,271,821	14,032,529,512
Cộng	38,039,900,811	41,929,258,046

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

22 . Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Tại ngày 01/01/2012	128.400.000.000	8.812.291.653	4.406.145.827	(672.819.898)	25.002.820.000	89.240.097.031
- Tăng trong năm nay	9.651.620.000			754.815.079	10.601.240.321	
- Lãi trong năm nay						29.801.353.302
- Phân phối lợi nhuận		8.667.529.484	4.333.764.742			
- Tăng khác						
- Giảm trong năm nay				(194.452.777)		(21.668.823.710)
- Phân phối quỹ						
- Đánh giá chênh lệch cuối kỳ						
- Thù lao của HĐQT						
- Chi thường từ Quỹ phúc lợi						(1.602.773.295)
- Điều chỉnh giám phần LN Viện chưa nộp						
- Giảm khác						
Tại ngày 31/03/2012	138.051.620.000	17.479.821.137	8.739.910.569	(112.457.596)	35.604.060.321	95.769.853.328

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BCKQHĐKD

25 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quy I/2012	Năm 2011
Trong đó:		
- Doanh thu bán thành phẩm	10,238,121,571	40,408,016,430
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	310,524,778	1,991,124,539
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	265,109,764,629	865,057,351,043
Cộng	275,658,410,978	907,456,492,012
27 . Giá vốn hàng bán	Quy I/2012	Năm 2011
Giá vốn hoạt động xây dựng	36,213,145,815	710,989,827,509
Giá vốn dịch vụ		1,311,687,612
Giá vốn của hàng hóa đã bán		42,356,262,062
Cộng	36,213,145,815	754,657,777,183
26 . Doanh thu hoạt động tài chính	Quy I/2012	Năm 2011
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,309,366,080	4,095,132,816
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8,250,000,000	566,573,168
Lãi chênh lệch tỷ giá	42,368,393	40,263,985
Cộng	9,601,734,473	4,701,969,969
28 . Chi phí hoạt động tài chính	Quy I/2012	Năm 2011
Chi phí tiền vay	4,124,797,833	13,283,775,474
Lỗ chênh lệch tỷ giá	130,866,032	4,643,308,881
Cộng	4,255,663,865	17,927,084,355

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Vũ Viết Thành

Nguyễn Thị Thanh Vân

Phạm Việt Khoa